

Số: *24* /2016/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 30 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định “**Định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật khoa học và công nghệ; số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ các Thông tư Liên tịch của Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ: Số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 về quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; Ý kiến Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh ngày 03/11/2016 tại cuộc họp giao ban Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh và các thành viên UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình liên ngành số 36/TTrLN-KHCN-TC ngày 21/11/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “**Định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2016 và thay thế Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 11/01/2008 của UBND tỉnh về việc ban hành “Quy định mức chi và phân bổ dự toán kinh phí đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên”.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; thủ trưởng các sở, ban, ngành đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh,
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Trung tâm Tin học và Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



QUY ĐỊNH

Định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 24 /2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm
2016 của UBND tỉnh Hưng Yên)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước; định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN; các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ KH&CN của các cơ quan có thẩm quyền; quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN, các tổ chức, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh là những vấn đề khoa học và công nghệ cần được giải quyết để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của địa phương, được thể hiện dưới hình thức một đề tài, dự án, kế hoạch khung, chương trình, đề án KH&CN.

2. Đề tài KH&CN là nhiệm vụ KH&CN có nội dung chủ yếu là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn, bao gồm đề tài nghiên cứu cơ bản, đề tài nghiên cứu ứng dụng, đề tài triển khai thực nghiệm hoặc kết hợp nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm.

3. Dự án KH&CN là nhiệm vụ KH&CN giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ chủ yếu phục vụ việc sản xuất một sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm trọng điểm, chủ lực có tác động nâng cao trình độ công nghệ của một ngành, một lĩnh vực và có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, được triển khai dưới hình thức dự án sản xuất thử nghiệm và dự án đầu tư khoa học và công nghệ có mục tiêu, nội dung gắn kết hữu cơ, đồng bộ và được tiến hành trong một thời gian nhất định.

4. Dự án sản xuất thử nghiệm là nhiệm vụ KH&CN nhằm ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế - xã hội hoặc sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống trên địa bàn tỉnh.

5. Kế hoạch khung là nhiệm vụ KH&CN tổ chức triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu đã được khẳng định nhằm giải quyết vấn đề cấp thiết trong sản xuất và đời sống xã hội trong khoảng thời gian được quy định cụ thể.

6. Chương trình KH&CN là nhiệm vụ KH&CN có mục tiêu chung giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ trung hạn hoặc dài hạn được triển khai dưới hình thức tập hợp các đề tài, dự án KH&CN nhằm giải quyết những vấn đề bức xúc trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ an ninh, quốc phòng của tỉnh.

7. Đề án KH&CN là nhiệm vụ KH&CN nhằm mục tiêu xác định cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ việc xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật.

8. Chuyên gia là người có trình độ chuyên môn phù hợp và tối thiểu có 5 năm kinh nghiệm về lĩnh vực khoa học và công nghệ của đề tài, dự án, chương trình. Nắm vững cơ chế quản lý khoa học và công nghệ, có kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN, chuyển giao và áp dụng các kết quả khoa học và công nghệ vào thực tế sản xuất, có uy tín chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp.

9. Cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ KH&CN là cơ quan Nhà nước được giao nhiệm vụ: Xác định nhiệm vụ, tuyển chọn các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ; phê duyệt nội dung và kinh phí; kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Chương II

CÁC YẾU TỐ CẤU THÀNH DỰ TOÁN VÀ ĐỊNH MỨC XÂY DỰNG, PHÂN BỐ DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 4. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 5. Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN: Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư Liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ. Quy định này quy định cụ thể một số khung định mức chi tối đa như sau:

1. Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN

STT	Chức danh	Hệ số chức danh nghiên cứu (H_{cd})	Hệ số lao động khoa học (H_{kh})	Hệ số tiền công theo ngày $H_{stcn} = (H_{cd} \times H_{kh})/22$
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	6,92	2	0,63
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	5,42	1,6	0,39
3	Thành viên	3,66	1,2	0,2
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ, cán bộ địa phương hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ KH&CN	2,86	1,0	0,13

Dự toán tiền công trực tiếp đối với chức danh quy định tại STT 4 không quá 20% tổng dự toán tiền công trực tiếp đối với các chức danh quy định tại STT 1, 2, 3 của bảng này.

2. Thuê chuyên gia phối hợp nghiên cứu

a) Thuê chuyên gia trong nước

Trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét đưa vào dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Trong trường hợp thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc thì trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt mức kinh phí đối với hợp đồng thuê khoán; trong trường hợp thuê khoán chuyên gia trong nước theo ngày công thì mức dự toán thuê chuyên gia trong nước không quá 30.000.000 đồng/người/tháng (22 ngày/1 tháng).

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 1 Điều này.

Trong trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ KH&CN có dự toán thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30.000.000 đồng/người/tháng hoặc tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 1 Điều này thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước quyết định phê duyệt và chịu trách nhiệm.

b) Thuê chuyên gia ngoài nước

Trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia ngoài nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét đưa vào dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ

KH&CN. Hợp đồng thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc thì trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 1 Điều này.

Trong trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ KH&CN có dự toán thuê chuyên gia ngoài nước vượt 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 1 Điều này thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước quyết định phê duyệt và chịu trách nhiệm.

3. Định mức xây dựng dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, phục vụ hoạt động nghiên cứu

DVT: 1.000 VNĐ

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa
1	Chi hội thảo khoa học		
	Chủ trì hội thảo	Buổi	1.000
	Thư ký hội thảo	Buổi	500
	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo	Báo cáo	1.000
	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo (nếu có)	Báo cáo	800
	Đại biểu được mời tham dự	Buổi	150
2	Chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ		
	- Chi họp Hội đồng:	Nhiệm vụ	
	+ Chủ tịch Hội đồng		600
	+ Phó chủ tịch hội đồng; thành viên Hội đồng		400
	+ Thư ký hành chính		150
	+ Đại biểu được mời tham dự		70
	- Chi nhận xét đánh giá:	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	+ Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		250
	+ Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		350
3	Hỗ trợ xử lý phân rác thải trong chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường bằng công nghệ hầm khí BIOGA		
	- Hỗ trợ hộ nông dân xây dựng hầm khí BIOGA:		
	+ Đối với hầm xây dựng $\leq 10 \text{ m}^3$	01 hầm	3.000
	+ Đối với hầm xây dựng $> 10 \text{ m}^3$	01 hầm	4.000
	- Công chỉ đạo kỹ thuật xây, bảo trì, bảo dưỡng và hướng dẫn vận hành.	01 hầm	800

4. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ KH&CN, bao gồm: Chi điện, nước, các khoản chi hành chính phát sinh liên quan đảm bảo triển khai nhiệm vụ KH&CN tại tổ chức chủ trì; chi tiền lương, tiền công phân bổ đối với các hoạt động gián tiếp trong quá trình quản lý nhiệm vụ KH&CN của tổ chức chủ trì.

Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ KH&CN bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 150 triệu đồng.

5. Định mức hỗ trợ xây dựng mô hình của nhiệm vụ KH&CN

a) Đối với mô hình khảo nghiệm sản xuất và sản xuất thử nghiệm

Hỗ trợ 100% kinh phí mua giống, mua vật tư thiết yếu.

b) Đối với mô hình trình diễn, mô hình sản xuất mở rộng:

Hỗ trợ 100% kinh phí mua giống; từ 50% -100% chi phí mua vật tư thiết yếu.

6. Các khoản chi khác được vận dụng theo các quy định hiện hành của tỉnh và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 6. Nội dung chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn

a) Chi tiền công thực hiện nhiệm vụ của thành viên các Hội đồng tư vấn KH&CN (Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN, Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN và Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN).

b) Chi tiền công phục vụ họp Hội đồng.

c) Chi công tác phí của các chuyên gia được mời tham gia công tác tư vấn.

d) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, xăng xe, các khoản chi khác phục vụ Hội đồng.

e) Chi thuê dịch vụ KH&CN liên quan đến việc đánh giá của Hội đồng; thuê cơ sở vật chất phục vụ Hội đồng (nếu có).

2. Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có).

3. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông.

4. Chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, bao gồm:

a) Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra.

b) Chi họp hội đồng đánh giá giữa kỳ (trong trường hợp cần thiết cần có Hội đồng đánh giá giữa kỳ).

5. Chi công tác phí của các chuyên gia được mời tham gia Tổ thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ.

6. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ KH&CN.

Điều 7. Định mức chi quản lý nhiệm vụ KH&CN

1. Định mức chi hoạt động của các Hội đồng

a) Chi tiền công

DVT: 1.000 VNĐ

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN:		
	- Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN:	Buổi họp	
	+ Chủ tịch Hội đồng		800
	+ Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		600
	+ Thư ký hành chính		250
	+ Đại biểu được mời tham dự		150
	- Chi nhận xét đánh giá:	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	+ Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		250
	+ Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		400
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN:		
	- Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN:	Buổi họp	
	+ Chủ tịch Hội đồng		1.200
	+ Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		800
	+ Thư ký hành chính		250
	+ Đại biểu được mời tham dự		150
	- Chi nhận xét đánh giá:	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	+ Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		400
	+ Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		500
3	Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH&CN:	Nhiệm vụ	
	- Tổ trưởng tổ thẩm định		500
	- Thành viên tổ thẩm định		400
	- Thư ký hành chính		250
	- Đại biểu được mời tham dự		150
4	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ		

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa
	KH&CN cấp tỉnh:		
	- Chi họp Hội đồng nghiệm thu:	Nhiệm vụ	
	+ Chủ tịch Hội đồng		1.200
	+ Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		800
	+ Thư ký hành chính		250
	+ Đại biểu được mời tham dự		150
	- Chi nhận xét đánh giá:	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	+ Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		400
	+ Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		600
5	Họp Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh	Buổi họp	
	- Chủ tịch Hội đồng		1.000
	- Phó chủ tịch Hội đồng		500
	- Thành viên Hội đồng		300
	- Đại biểu được mời tham dự		150

b) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc, các quy định của tỉnh, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng KH&CN tỉnh Hưng Yên và các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập

Trong trường hợp cần thiết (khi các Hội đồng tư vấn khoa học có ý kiến không thống nhất trong việc xem xét lựa chọn nhiệm vụ KH&CN; hoặc Sở Khoa học và Công nghệ thấy cần thiết), Sở Khoa học và Công nghệ có thể thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập.

Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính tối đa bằng 5 lần mức chi tiền công (bao gồm chi tiền công họp Hội đồng và chi nhận xét, đánh giá) của Chủ tịch Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ KH&CN quyết định và chịu trách nhiệm.

3. Chi thông báo tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN, kết quả tuyển chọn, danh mục các nhiệm vụ KH&CN được thực hiện trên các phương tiện truyền thông: Xây dựng dự toán trên cơ sở báo giá của các cơ quan truyền thông lựa chọn đăng tin.

4. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra, đánh giá được xây dựng theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí áp dụng cho các cơ quan nhà nước.

b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá giữa kỳ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá giữa kỳ); kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được áp dụng bằng mức chi hợp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 3 Điều 5 quy định này.

Chương III

LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN

Điều 8. Lập dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các nhiệm vụ KH&CN

Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước theo quy định, căn cứ vào kế hoạch xác định, tuyển chọn, xét giao trực tiếp các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh trong năm; kế hoạch kiểm tra, đánh giá giữa kỳ, đánh giá nghiệm thu đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, định mức chi quy định tại văn bản này, Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước về KH&CN và tổng hợp vào dự toán chi sự nghiệp KH&CN của tỉnh, để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 9. Lập dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN

1. Căn cứ

a) Mục tiêu, yêu cầu, nội dung và khối lượng công việc nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Các định mức kinh tế - kỹ thuật do các Bộ, ngành ban hành, các khung định mức quy định tại văn bản này, các chế độ, chính sách hiện hành của nhà nước và các quy định cụ thể khác của tỉnh. Trường hợp không có định mức kinh tế - kỹ thuật thì cần thuyết minh cụ thể chi tiết căn cứ lập dự toán.

2. Yêu cầu

a) Dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN được xây dựng và thuyết minh theo từng nội dung nghiên cứu và gắn với các kết quả, sản phẩm cụ thể của nhiệm vụ KH&CN.

b) Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng dự toán trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt nhiệm vụ KH&CN.

Điều 10. Thẩm định, phê duyệt, giao dự toán thực hiện nhiệm vụ KH&CN: Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức việc thẩm định dự toán kinh phí của các đề tài, dự án, chương trình khoa học công nghệ theo đúng chế độ quy định. Trường hợp các nội dung chi không có định mức kinh tế - kỹ thuật của các Bộ, ngành, địa phương ban hành thì sở, ngành phối hợp đề xuất các nội dung chi cần thiết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 11. Phân cấp quản lý sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí của các nhiệm vụ KH&CN phải được thực hiện theo các quy định của Luật ngân sách nhà nước, chế độ tài chính hiện hành và kế hoạch KH&CN hàng năm đã được UBND tỉnh phê duyệt. Kinh phí của nhiệm vụ KH&CN phải được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả, không chi cho các hoạt động phục vụ công tác quản lý của cơ quan thực hiện đề tài, dự án.

1. Giao cho Sở Khoa học và Công nghệ quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí các hoạt động phục vụ công tác quản lý đối với các đề tài, dự án, chương trình khoa học công nghệ cấp tỉnh. Tổng hợp quyết toán toàn bộ ngân sách sự nghiệp khoa học công nghệ của tỉnh.

2. Giao cho tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án, chương trình khoa học công nghệ cấp tỉnh quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ đã được phê duyệt.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh đã được phê duyệt trước thời điểm quy định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo các quy định còn hiệu lực tại thời điểm phê duyệt.

2. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

Trong quá trình thực hiện quy định này, nếu phát hiện những nội dung không phù hợp; hoặc chưa đầy đủ, các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Đặng Ngọc Quỳnh